TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2019
"Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bích Thủy

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Nguyễn Vạn Thế

2. Bà Nguyễn Thị Phượng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Trọng Huy là Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2016/TLHNGĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2016 về "Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng cầm cố, hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-DS, ngày 04/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/QĐST-DS ngày 04/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 367, ấp B, xã A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Phúc - Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Phúc thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Võ Văn D, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 220, ấp A, xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Trú tại: Số 62, ấp A, xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Minh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 412, ấp A, xã B, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

2. Anh Võ Quốc B, sinh năm 1980;

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1928;

Cùng địa chỉ: Số 62, ấp A, xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

4. Anh Võ Điền T, sinh năm 1982;

5. Chị Võ Sơn C, sinh năm 1985;

6. Anh Võ Minh H, sinh năm 1997;

7. Anh Võ Minh N, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Số 220, ấp A, xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

8. Chị Võ Bích T, sinh năm 1987.

9. Chị Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Số 367, ấp B, xã A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của T, C, H, N, T, D là bà Bà Trần Thị L, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 367, ấp B, xã A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/7/2019).

10. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Lấp Vò. Địa chỉ: Khóm Bình Thạnh 1, TT. Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là ông Đăng Trường S – Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Lấp Vò. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

- Về tình cảm hôn nhân:

Bà L và ông D sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1976, chung sống hạnh phúc đến năm 1994 thì mâu thuẫn xảy ra và sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân là do ông D có người phụ nữ khác bên ngoài, không có trách nhiệm với gia đình, do tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà Trần Thị L yêu cầu xin ly hôn với ông Võ Văn D.

- Về con chung: Quá trình sống chung có 08 người con tên Võ Minh N, Võ Quốc B, Võ Điền T, Võ Sơn C, Võ Bích T, Võ Thị Mỹ D, Võ Văn Đức, Võ Minh H tất cả các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 172, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 869m^2, mục đích sử dụng ONT+LNK; thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 4.026m^2, mục đích sử dụng LUC; thửa đất số 197, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.569m^2, mục

đích sử dụng LUC. Tất cả các thửa đất nêu trên do hộ ông Võ Văn D đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Nguồn gốc các thửa đất trên là của cha mẹ chồng cho hai vợ chồng vào năm 1986 có biên bản hòa giải gia đình ngày 07/9/1986 chứng minh. Mặc dù trong biên bản hòa giải gia đình ngày 07/9/1986 Tập đoàn chia định suất đất cho từng nhân khẩu trong gia đình bà L, ông D và các con, ông D chỉ được chia định suất là 1.700m^2, thời gian này nếu không đủ định suất đất thừa là Nhà nước giao cho người khác sử dụng. Nhưng nay bà L yêu cầu và đại diện ủy quyền của các con của bà L và ông D nằm trong định suất được chia đất năm 1986 chia đôi tổng diện tích diện tích đất 7.800m^2.

Khoảng năm 1991, vợ chồng bà L và ông D cố tất cả diện tích đất trên (đất tại xã B) cho Trần Văn Sương giá 23 chỉ vàng 24k. Sau đó, vợ chồng dùng tiền cố đất lên huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang mua của Lê Xuân Hiếu 16.000m^2 đất lúa, nhưng vợ chồng đứng tên không được nên mới nhờ bà Nguyễn Thị T1 là dì ruột của ông D đứng tên trong giấy chứng nhận đối với thửa 109, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.040m^2, bà Hồ Thị Khoe là chị dâu của ông D đứng tên trong giấy chứng nhận đối với thửa 108, tờ bản đồ số 01, diện tích 10.420m^2. Sau đó vợ chồng bà L canh tác đến năm 1994 thì cố cho ông Lê Văn Tha với giá 350 triệu đồng, một thời gian thì bán luôn cho ông Lê Văn Tha, ông Tha trả thêm 200 triệu đồng nửa, số tiền 200 triệu đồng này bà L giao cho ông D sử dụng.

Nay bà L yêu cầu chia đôi giá trị các thửa đất số 172, 165, 197 cùng tờ bản đồ số 23, đất tọa lạc tại xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Bà L yêu cầu nhận bằng tiền. Đối với số vàng 23 chỉ vàng 24k trước đây đã cố 03 thửa đất trên bà L đồng ý chia đôi với ông D (vàng ông D trả cho ông Sương để chuộc lại đất).

Bà Trần Thị L thống nhất với diện tích đo đạc và thống nhất với giá các thửa đất tranh chấp mà Hội đồng định giá đã định giá năm 2016, không yêu cầu định giá lại.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn D trình bày:

- Về tình cảm hôn nhân:

Bà L và ông D sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1976, chung sống hạnh phúc đến năm 1994 thì mâu thuẫn xảy ra và sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân là do mâu thuẫn tiền bạc trong gia đình. Nay ông D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với bà Trần Thị L.

- Về con chung: Quá trình sống chung có 08 người con tên Võ Minh N, Võ Quốc B, Võ Điền T, Võ Sơn C, Võ Bích T, Võ Thị Mỹ D, Võ Văn Đức, Võ Minh H tất cả các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 869m^2, mục đích sử dụng ONT+LNK; thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 4.026m^2, mục đích sử dụng LUC; thửa đất số 197, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 2569m^2, mục đích sử dụng LUC. Tất cả các thửa đất nêu trên là của cha ông D cho riêng ông D không phải tài sản chung của vợ chồng. Biên bản họp gia đình ngày 7/9/1986 ông D thừa nhận là có tham dự và thống nhất với biên bản này, vì lúc này nếu không chia đất theo định suất nhân khẩu thì đất thừa Nhà nước cũng giao cho người khác nên Tập đoàn có họp và giao định suất đất cho gia đình ông D, bà L trong đó ông D chỉ được chia định suất là 1.700m^2.

Khoảng năm 1991, vợ chồng bà L và ông D cố tất cả diện tích đất trên cho Trần Văn Sương giá 23 chỉ vàng 24k. Sau đó, vợ chồng mới dùng tiền cố đất lên Thoại Sơn, An Giang mua của Lê Xuân Hiếu 10.420m^2 đất lúa, nhưng vợ chồng đứng tên không được nên mới nhờ bà Hồ Thị Khoe là chị dâu của ông D đứng tên trong giấy chứng nhận đối với thửa 108, tờ bản đồ số 01, diện tích 10.420m^2. Sau đó vợ chồng canh tác đến năm 1994 thì ly thân. Bà L bán đất cho ông Võ Văn Hớn. Sau khi ly thân ông D thống nhất giao bà L phần đất này để nuôi con. Việc bà L cho rằng ông D nhận 200 triệu đồng tiền bán đất là không có, 200 triệu đồng trên là do ông Trần Thế Thủ con bà Hồ Thị Khoe nhận có biên bản việc giao nhận tiền ngày 18/10/2012 tại UBND xã D, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang chứng minh. Các thửa đất số 172, 165, 197 tờ bản đồ số 23 ông D đã cố cho ông Võ Minh T với giá 95 chỉ vàng 24k (trong đó có 13 chỉ là vàng 9999, còn lại là vàng thị trường). Nay anh Tấn yêu cầu hủy hợp đồng cố đất, yêu cầu ông D trả lại vàng cố đất, ông D đồng ý trả lại cho anh Tấn 95 chỉ vàng 24k (trong đó có 13 chỉ vàng 24k 9999 và 82 chỉ vàng 24k vàng thị trường) và nhận lại đất.

Nay ông D không đồng ý chia đôi các thửa đất số 172, 165, 197 tờ bản đồ số 23 do ông Võ Văn D đang đứng tên quyền sử dụng đất, thực tế do ông Võ Minh T đang quản lý, sử dụng. Nếu bà L đồng ý cộng chung 10.420m^2 đất đã bán cho ông H1 (Đất ở Thoại Sơn) mà trước đây ông D giao cho bà L khi ly thân với 7.464m^2 để chia đôi thì ông D thống nhất chia đôi.

Ông Võ Văn D thống nhất với diện tích đo đạc và thống nhất với giá các thửa đất tranh chấp mà Hội đồng định giá đã định giá năm 2016.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Hợp đồng vay tiền với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đây là nợ riêng của ông D không liên quan đến bà L. Việc ông D giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 172, 165, 197 tờ bản đồ số 23 cho Ngân hàng quản lý là để làm tin, giữa ông D và Ngân hàng không có ký hợp đồng thế chấp. Hiện nay ông D đang thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng vay nên ông D không có yêu cầu giải quyết.

Trong suốt quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh T trình bày:

Vào năm 2008, anh Tấn có nhận cố đất của ông Võ Văn D 02 thửa đất ruộng, thửa số 165, 197 tờ bản đồ số 23 với giá 95 chỉ vàng 24k (trong đó có 13 chỉ là vàng 9999, còn lại là vàng thị trường), thời hạn cố là 20 năm có 02 tờ cố đất ngày 09/9/2008 và ngày 09/8/2010 chứng minh, vàng cố đất anh Tấn giao trực tiếp cho ông D nhận lúc này ông D và bà L không còn chung sống với nhau.

Nay ông D và bà L ly hôn bà L yêu cầu chia tài sản là phần đất ông D đã cố cho anh Tấn nên anh Tấn yêu cầu ông Võ Văn D trả 95 chỉ vàng 24k (trong đó có 13 chỉ là vàng 9999, còn lại 82 chỉ vàng 24k vàng thị trường), anh Tấn sẽ trả lại 02 thửa đất đã cố cho ông D và bà L sử dụng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N là mẹ ruột của ông Võ Văn D, vào năm nào bà N không nhớ bà N có mua đất ở Thoại Sơn, tỉnh An Giang mua diện tích bao nhiêu bà N không nhớ, lúc này L và D cũng mua đất ở Thoại Sơn liền kề với đất của bà N, sau đó bà N bán hết đất của bà N cho ông Võ Văn Hớn với giá là 200.000.000 đồng ông H1 là người trực tiếp giao tiền cho bà N, phần đất của bà L và ông D cũng bán cho Hớn nhưng bán với giá bao nhiêu bà N không biết, bà N xin vắng mặt khi Tòa án triệu tập công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử vụ án và bà N không có yêu cầu hay ý kiến gì thêm trong vụ án này.

- Anh Võ Quốc B trình bày:

Anh Bửu là con ruột của ông D và bà L trong vụ án xin ly hôn của cha mẹ là ông D và bà L anh Bửu không liên quan, anh Bửu không có ý kiến hay yêu cầu gì. Anh Bửu xin vắng mặt khi Tòa án triệu tập hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án vì anh Bửu đang phục vụ trong quân đội tại Củ Chi nên không về được.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam chi nhánh huyện Lấp Vò trình bày:

Ngày 08/5/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lấp Vò có ký thỏa thuận cho ông Võ Văn D vay 49.000.000 đồng, lãi phát sinh đến ngày 08/3/2019 là 4.094.521 đồng, để đảm bảo tiền vay trên ông D đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 165 tờ bản đồ số 23 diện tích là 3.836m^2, thửa 172 tờ bản đồ 23 diện tích 963m^2, thửa 197 tờ bản đồ 23 diện tích 2.592m^2 (các quyền sử dụng đất này là tài sản chung giữa ông D và bà L hiện các đương sự đang tranh chấp) nhưng giữa Ngân hàng và ông D không có ký hợp đồng thế chấp. Ngân hàng chỉ giữ giấy đất của ông D. Tại công văn số 654 ngày 26/7/2019 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam - Chi nhánh huyện Lấp Vò trình bày: Hiện nay ông D không vi phạm hợp đồng vay vốn đã ký với Ngân hàng nên ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu ông D có vi phạm Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Trong quá trình thu thập chứng cứ những người làm chứng trình bày:

- *Ông Trần Thế Thủ trình bày:* Ông Võ Văn D là chú họ của ông T2. Vào năn 2012, anh Thủ có nhận 200.000.000đ của anh Võ Văn Hớn theo biên bản hòa giải thành ngày 18/10/2012 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện Thoại Sơn. Ông H1 mua 5.000m^2 của bà Trần Thị L bán cho ông H1 nhưng diện tích đất này là của bà Nguyễn Thị N là mẹ ruột ông D (đất này do bà T1 đứng tên QSDĐ do bà N không có hộ khẩu tại nơi có đất nên nhờ bà T1 đứng dùm) anh Thủ nhận 200.000.000đ về đưa cho bà T1 và bà T1 đưa lại cho bà N xong.

- *Ông Lê Văn Phụng trình bày:* Ông Phụng là em họ của ông Võ Văn D ông Phụng có tham gia và chứng kiến ông Trần Thế Thủ có nhận 200.000.000 đồng tiền bán đất của bà T1 bán cho Võ Văn Hớn.

- *Anh Trần Thành Toại trình bày:*

Năm 2012, anh Toại là công chức địa chính xã D, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Ngày 18/10/2012, anh Toại có tham gia buổi giao nhận tiền thực hiện theo biên bản hòa giải thành ngày 10/4/2012 của Ủy ban nhân dân xã D về việc tranh chấp đất lúa giữa Trần Thị L và ông Võ Văn Hớn, Võ Văn D. Theo đó ông H1 nhận chuyển nhượng đất của bà L và ông D, phần tiền nhận chuyển nhượng đất này do bà K và bà T1 đứng tên dùm bà L và ông D (do ông D và bà L không có hộ khẩu ở Thoại Sơn nên không đứng tên quyền sử dụng đất được). Tại buổi làm việc ngày 18/10/2012, ông Võ Văn Hớn có giao cho ông Võ Văn D 200.000.000 đồng có mặt ông Trần Thế Thủ và ông Trần Thế Thủ là người ký tên bên nhận ngày 18/10/2012 người trực tiếp nhận tiền của ông H1 là ông Võ Văn D và ông Trần Thế Thủ cùng chứng kiến việc nhận tiền của ông D và tất cả thành viên buổi hòa giải hôm đó.

- *Ông Võ Văn Hớn trình bày:*

Ông H1 và bà L, ông D không có quan hệ bà con gì. Vào năm 1994, bà L và ông D có cố cho ông H1 15.460m^2 tại Thoại Sơn giá bao nhiêu ông H1 không nhớ, ông H1 sử dụng đất này một thời gian thì bà L bán lại cho ông H1 10.000m^2 với giá 350.000.000 đồng, ông H1 giao tiền trực tiếp cho bà L, còn lại 5.000m^2 ông H1 tiếp tục cố và sử dụng đến năm 2012 ông H1 và bà L làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho ông H1 thì ông D không đồng ý ký tên nên lúc này ông H1, L, D có thỏa thuận bán luôn diện tích 5.000m^2 còn lại cho ông H1 với giá 200.000.000 đồng, số tiền này ông H1 giao trực tiếp cho ông D nhận thông qua ông Trần Thế Thủ (ông T2 là con bà K) vì lúc này phần đất 5.000m^2 này bà T1 đứng tên quyền sử dụng đất, diện tích 10.420m^2 chuyển nhượng trước đây do bà Hồ Thị Khoe đứng tên quyền sử dụng đất (lý do đất của bà L, ông D mà bà K và bà T1 đứng tên là vì lúc này bà L, ông D không có hộ khẩu ở Thoại Sơn theo quy định là không đứng tên quyền sử dụng đất được nên nhờ bà K và bà T1 là dì ruột của ông D đứng tên dùm). Sau khi ông D nhận 200.000.000 đồng của ông H1 thì ông D và bà K và bà T1 mới đồng ý ký tên chuyển nhượng hết phần đất 15.460m^2 cho ông H1, lúc này ông H1 để cho cha ông H1 là ông Võ Văn Tha đứng tên quyền sử dụng đất này dùm ông H1 nhưng đất do ông H1 trực tiếp sử dụng từ ngày cố và nhận chuyển nhượng luôn đến nay. Tiền cố đất và tiền chuyển nhượng đất là của ông H1 không phải của ông

Tha. Việc ông H1 giao tiền cho ông D có sự chứng kiến của anh Trần Thành Toại là công chức địa chính xã D, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Biên nhận ngày 18/10/2012 ông Trần Thế Thủ nhận tiền của bà L và ông H1 200.000.000đ biê nhận này ông H1 không biết. Ông H1 yêu cầu Tòa án làm việc với ông Trần Thành Toại là công chức địa chính xã D, huyện Thoại Sơn vì ông Toại là người chứng kiến việc ông H1 giao cho ông D 200.000.000 đồng. Ngoài nhận chuyển nhượng diện tích đất trên của ông D, bà L ra ông H1 không có nhận chuyển nhượng đất của bà N là mẹ ruột của ông D, đất bà N bán cho ông Lê Xuân Hiếu. Ông H1 xin vắng mặt khi Tòa án triệu tập hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án vì phải đi làm ăn xa, những gì ông H1 biết đã trình bày rõ trong biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2019, ông H1 không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Văn Phúc trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với các chứng cứ sau: Biên bản họp gia đình năm 1986, ông D đã vi phạm pháp luật về hôn nhân (đã chung sống với người khác như vợ chồng và có con riêng) nên việc chia tài sản bà L phải là 60% trên tổng giá trị tài sản. Đất ở Thoại Sơn ông D và bà L đã thống nhất bán và đã chia hưởng xong. Tiền cố đất cho anh Tấn là do ông D nhận và chi sài trong quá trình sống ly thân, tiền nợ Ngân hàng là nợ riêng của ông D. Chấp nhận ý kiến của bà L trả lại cho ông D ½ giá trị tiền cố đất trước đây là 11,5 chỉ vàng 24k (Vàng cố đất cho ông Sương).

Tại phiên tòa kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày và yêu cầu của các đương sự tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Luật sư ham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị L khởi kiện xin ly hôn tranh chấp về chia tài sản với ông Võ Văn D, anh Võ Minh T tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất với ông Võ Văn D, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam tranh chấp hợp đồng vay với ông Võ Văn D nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung, tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quy định tại Điều 26, 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn trong vụ án là ông Võ Văn D đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Võ Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986, không có đăng ký kết hôn. Mặc dù ông D và bà L không đăng ký kết hôn nhưng được xem là hôn nhân thực tế theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 về hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân gia đình 2000. Bà L và ông D chung sống đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà L cho rằng ông D có quan hệ tình cảm, sống như vợ chồng với người phụ nữ khác, ông D cho rằng do mâu thuẫn về tiền bạc trong nhà, ông D và bà L không chung sống từ năm 1994 đến nay. Nay bà L xin ly hôn với ông D, bà L không yêu cầu xử lý việc ông D chung sống với người khác như vợ chồng khi chưa ly hôn với bà L, ông D cũng đồng ý ly hôn với bà L. Xét sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông D và bà L là có căn cứ được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông D có 08 con chung là tên Võ Minh N, sinh năm 1977; Võ Quốc B, sinh năm 1980; Võ Điền T, sinh năm 1982; Võ Sơn C, sinh năm 1985; Võ Bích T, sinh năm 1987; Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1991; Võ Văn Đức, sinh năm 1993; Võ Minh H, sinh năm 1997 tất cả các con đều đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Việc ông D và bà L có mua diện tích đất 15.460m^2 ở huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang là có thật, khi mua đất này ông D và bà L có nhờ bà Hồ Thị Khoe đứng tên dùm là 10.420m^2 (bà K là chị dâu của ông D), bà Nguyễn Thị T1 đứng tên dùm 5.040m^2 (bà T1 là dì ruột của ông D). Năm 1994, bà L và ông D cố cho ông Võ Văn Hớn hết diện tích đất nói trên, sau khi cố một thời gian thì bà L bán cho ông H1 10.000m^2 đất do bà K đứng tên dùm giá 350.000.000 đồng, còn lại hơn 5.000m^2 bà T1 đứng tên dùm ông H1 tiếp tục cố, đến năm 2012 ông H1 và bà L làm thủ tục chuyển nhượng thì ông D không đồng ý ký tên, nên ông H1, bà L, ông D có thỏa thuận là chuyển nhượng phần diện tích còn lại là 5.040m^2 do bà T1 đứng tên dùm cho ông H1 giá 200.000.000 đồng, số tiền này ông D sẽ sở hữu và ông D trực tiếp nhận tiền từ ông H1 nên ông D, bà K, bà T1 mới đồng ý ký tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất 15.460m^2 lại cho ông H1 (cha ông H1 là ông Tha đứng tên dùm) và ông H1 sử dụng đến nay.

Việc tranh chấp này giữa ông D, bà L, ông H1, bà T1 được UBND xã D, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang hòa giải thành ngày 10/4/2012. Nội dung hòa giải thành ngày 10/4/2012 có ghi:

"Trong phần 15.460m^2 mà bà K và bà T1 đứng tên dùm cho vợ chồng ông Võ Văn D, bà Trần Thị L là không thuộc riêng của bà L mà có phần của ông D 5.000m^2. Ý kiến của ông T2 là bà L bán đất cho ông H1 hoặc bán cho người khác thì phải trả lại cho ông D là 200.000.000 đồng với diện tích là 5.000m^2 x 40.000.000đ/ công.

Ý kiến trình bày của ông D là thống nhất nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng và hỗ trợ trong việc bà K và bà T1 ký tên chuyển quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Hớn.

Ý kiến trình bày của bà L thống nhất chuyển nhượng cho ông H1 15.460m^2 mà bà K và bà T1 dứng tên dùm, sau đó hoàn trả cho ông D 200.000.000 đồng.

Ý kiến ông H1 thống nhất mua diện tích 15.460m^2 do bà L đứng bán đất do bà K và bà T1 đứng tên, ông D hổ trợ để bà K, bà T1 ký tên chuyển nhượng đất cho ông H1 thì bà L giao cho ông D 200.000.000 đồng".

Qua thu thập chứng cứ: Ông H1 trình bày là chỉ có mua đất của ông D, bà L là 15.460m^2 (đất do bà K và bà T1 đứng tên dùm L, D)) ông H1 không có mua đất của bà N là mẹ của ông D. Ông H1 nhận chuyển nhượng đất 02 lần, lần đầu là 10.000m^2 giá 350.000.000 đồng, giao tiền cho bà L, phần 5.040m^2 chuyển nhượng năm 2012 giá 200.000.000 đồng ông H1 giao tiền cho ông D trực tiếp nhận có mặt ông T2. Ông H1 không có mua đất của bà N nên không có giao tiền gì cho bà N.

Việc bà L và ông H1 giao tiền trực tiếp cho ông D nhưng do ông T2 ký biên nhận là do đất bà T1 đứng tên dùm, bà T1 ủy quyền cho Thủ nên ông T2 ký nhận mới phù hợp, qua lời trình bày của anh Toại là cán bộ địa chính xã D chứng kiến việc giao nhận tiền giữa ông H1 và ông D thì ông D là người trực tiếp nhận tiền 200.000.000 đồng từ ông H1 giao.

Khi bà L và ông D không chung sống năm 1994 thì lúc này con lớn của bà L và ông D là 14 tuổi và bà L đang mang thai tháng thứ 7, khi bà L sinh con ông D cũng không chăm sóc hay hỏi thăm gì và cũng không phụ giúp gì để bà L nuôi con, bà L phải một mình nuôi 08 con chung mà ông D không phụ giúp gì đến ngày các con trưởng thành, theo bà L trình bày là ông D thống nhất cho bà L bán 10.460m^2 cho ông H1 để làm chi phí nuôi 08 con chung, còn 5.040m^2 đất còn lại cũng bán cho ông H1 với giá 200.000.000 đồng vào năm 2012, số tiền này ông D trực tiếp nhận và sử dụng.

Như vậy, việc bà L trình bày phần đất ở Thoại Sơn 15.460m^2 đã bán và bà L và ông D mỗi người đã sử dụng một phần mặt dù bà L sở hữu sử dụng số tiền bán đất nhiều hơn ông D nhưng lúc này bà L phải trực tiếp nuôi 08 con chung, nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ chung của vợ chồng nhưng lúc này ông D không có nghĩa vụ cùng bà L nuôi dưỡng 08 con chung, nên bà L sử dụng tiền bán đất này để nuôi con là có căn cứ. Vì vậy, tài sản chung là 15.460m^2 đất ở Thoại Sơn đã bán hết và đã phân chia xong nên không xem xét giải quyết.

Đối với phần diện tích đất tại xã B là thửa đất số 172, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 869m^2, mục đích sử dụng ONT+LNK; thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 4.026m^2, mục đích sử dụng LUC; thửa đất số 197, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.569m^2, mục đích sử dụng LUC. Tất cả các thửa đất nêu trên do hộ ông Võ Văn D đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Nguồn gốc các thửa đất trên là của cha mẹ chồng cho hai vợ chồng vào năm 1986 mặc dù ông D trình bày là đất này là cha mẹ cho riêng ông D nhưng

phần đất này vào năm 1986 thực hiện chính sách trang trải ruộng đất Tập đoàn đã chia đất theo định suất cho gia đình bà L, ông D và các con (trong đó ông D chỉ được hưởng định suất là 1.700m^2 trong số 7.800m^2) số còn lại là của bà L và các con. Sau khi được chia đất theo định suất ông D và bà L cùng sử dụng trong suốt quá trình hôn nhân, đến năm 1991 cố hết phần đất này cho ông Sương ở B với giá 23 chỉ vàng 24k để lên Thoại Sơn nhận chuyển nhượng đất sử dụng. Sau khi ông D và bà L sống ly thân thì ông D về B chuộc đất lại sử dụng và cố cho ông Tấn đến nay. Năm 1993, thì ông D đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất, năm 2011 được cấp đổi, nên đây là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân có phần của các con của ông D bà L được chia theo định suất năm 1986, nhưng nay những người con này không yêu cầu mà ủy quyền cho bà L toàn quyền quyết định nên đây được xem là tài sản chung của vợ chồng, bà L yêu cầu chia đôi giá trị, bà L yêu cầu được nhận giá trị ½ bằng tiền, giao đất cho ông D tiếp tục sử dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Các thửa đất trên trước khi mua đất ở Thoại Sơn bà L và ông D có cố cho ông Sương là 23 chỉ vàng 24k để lấy số vàng này mua đất ở Thoại Sơn. Sau này ông D về chuộc lại và sau đó cầm cố cho anh Tấn sử dụng đến nay. Bà L cũng đồng ý chia đôi số vàng này với ông D. Ông D yêu cầu nhập phần 10.460m^2 đất ở Thoại Sơn đã chuyển nhượng cho ông H1 chung phần diện tích đất ở B để chia đôi giá trị là không có căn cứ vì đất ở Thoại Sơn ông D, bà L đã thống nhất bán và tiền bán đất mỗi người đều có nhận nên việc yêu cầu của ông D là không có căn cứ không được chấp nhận.

Hiện nay ông D và bà L thống nhất giá đất (là tài sản tranh chấp) mà Hội đồng định giá định là 649.665.000 đồng không yêu cầu định giá lại.

Mặc dù các thửa đất trên nguồn gốc là Tập đoàn cấp cho hộ ông D nhưng các thành viên trong hộ là con ông D khi trưởng thành cũng có việc làm đi làm ăn xa nên không xem xét công sức đóng góp vào khối tài sản này và các con cũng đã ủy quyền lại cho bà L, nên xác định các thửa đất do ông D đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã B là tài sản chung của bà L và ông D về nguyên tắc tài sản chung là phải chia đôi xem xét hoàn cảnh gia đình của vợ, chồng, công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập duy trì tài sản, khi giải quyết chia tài sản khi ly hôn. Từ những phân tích trên xét yêu cầu của bà L về việc yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc các thửa 172, 165, 197 cùng tờ bản đồ số 23 do hộ ông Võ Văn D đứng tên quyền sử dụng đất là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về hợp đồng cố đất giữa ông Võ Văn D và ông Võ Minh T:

Hợp đồng cầm, cố quyền sử dụng đất giữa ông D và ông Tấn thực hiện trong lúc bà L và ông D sống ly thân, ông D là người trực tiếp thỏa thuận với anh Tấn về việc cầm cố quyền sử dụng thửa 165, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 4.026m^2, mục đích sử dụng LUC; thửa đất số 197, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.569m^2, mục đích sử dụng LUC. Hai thửa đất nêu trên do hộ ông Võ Văn D đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã B,

huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cố đất cho anh Tấn thì ông D là người trực tiếp nhận và sử dụng vàng của anh Tấn là 95 chỉ vàng 24k (trong đó có 13 chỉ là vàng 24k (9999), còn lại 82 chỉ vàng 24k vàng thị trường). Nay anh Tấn đồng ý trả lại 02 thửa đất đã cố cho ông D sử dụng và yêu cầu ông D trả lại cho anh Tấn 95 chỉ vàng 24k. Trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa ông Võ Văn D đồng ý trả lại cho anh Tấn 95 chỉ vàng 24k (trong đó có 13 chỉ vàng 24k 9999 và 82 chỉ vàng 24k vàng thị trường). Khi cố đất cho anh Tấn thì ông D và L đã sống ly thân nên việc cố đất cho anh Tấn bà L không biết, vàng cố đất do ông D nhận trực tiếp từ anh Tấn và ông D sử dụng cá nhân bà L không biết nên ông D không yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả vàng cố đất lại cho Tấn.

Xét hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn D và ông Võ Minh T là không đúng quy định của pháp luật, nên được xem là vô hiệu theo Điều 117, 122, 131 Bộ luật dân sự 2015; Điều 167 Luật đất đai 2013. Hợp đồng vô hiệu thì các bên trả cho nhau những gì đã nhận nên việc anh Tấn yêu cầu ông D trả lại 95 chỉ vàng cố đất và ông D cũng thống nhất theo yêu cầu của anh Tấn xét sự tự nguyện này của các đương sự là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Đối với việc hợp đồng vay giữa ông D với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam - Chi nhánh huyện Lấp Vò (sau đây gọi là Ngân hàng) đây là hợp đồng tín chấp giữa Ngân hàng với ông D, hiện nay hợp đồng này còn đang trong thời hạn thực hiện phía Ngân hàng không yêu cầu Tòa giải quyết chung trong vụ án này, nếu sau này ông D có vi phạm nghĩa vụ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng 01 vụ án khác. Do tiếp tục giao cho ông D được tiếp tục sử dụng đất và trả ½ giá trị đất lại cho bà L, giá trị tài sản của ông D được chia hưởng nhiều hơn nhiều lần so với số tiền mà ông D đã vay tại Ngân hàng nên nếu ông D có vi phạm nghĩa vụ trả tiền và Ngân hàng khởi kiện thì cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng trong việc thu hồi nợ.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật, phù hợp với phần nhận định trên của bản án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí thẩm định đo đạc, định giá: Bà L và ông D mỗi người phải chịu ½ chi phí thẩm định đo đạc, định giá. Số tiền này bà L đã tạm nộp và đã chi xong nên ông D phải có nghĩa vụ trả lại cho bà L ½ chi phí này.

[7] Về án phí: Bà L được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, ông Võ Văn D phải chịu án phí về tài sản tương đương với giá trị tài sản được chia hưởng, ngoài ra ông D còn phải chịu án phí về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất.

Giá vàng trên thị trường ngày 29/7/2019 như sau: Vàng 24k (9999) là 3.979.000 đồng/chỉ; vàng 24k thị trường (99%) là 3.939.000 đồng/chỉ.

Anh Võ Minh T không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Căn cứ Điều 117, 122, 131 Bộ luật dân sự 2015; Điều 167 Luật đất đai 2013.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Võ Văn D.

[2] Về con chung: Các con đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L, chia đôi giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 172, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 869m^2, mục đích sử dụng ONT+LNK; thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 4.026m^2, mục đích sử dụng LUC; thửa đất số 197, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.569m^2, mục đích sử dụng LUC. Tất cả các thửa đất nêu trên do hộ ông Võ Văn D đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Tổng giá trị là 649.665.000 đồng, giao cho ông Võ Văn D tiếp tục sử dụng các thửa đất nói trên và buộc ông D giao lại ½ giá trị phần đất trên cho bà Trần Thị L số tiền là 324.832.500 đồng (ba trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

[4] Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 09/9/2008 và ngày 09/8/2010 giữa ông Võ Văn D và anh Võ Minh T vô hiệu. Buộc ông Võ Văn D có nghĩa vụ trả lại cho anh Võ Minh T 95 chỉ vàng 24k (trong đó có 13 chỉ là vàng 24k (9999), còn lại 82 chỉ vàng 24k vàng thị trường). Buộc anh Võ Minh T trả lại cho ông Võ Văn D và bà Trần Thị L 02 thửa đất mà ông Võ Văn D đã cố cho anh Võ Minh T gồm các thửa đất số 165, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 4.026m^2, mục đích sử dụng LUC; thửa đất số 197, tờ bản đồ số 23, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.569m^2, mục đích sử dụng LUC đất do hộ Võ Văn D đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

[5] Công nhận sự tự nguyện của bà L là trả lại ông D 11,5 chỉ vàng 24k (9999) (Tương đương ½ số vàng mà ông D đã chuộc lại các thửa đất trên trước đây từ ông Sương).

[6] Về chi phí thẩm định đo đạc, định giá tài sản số tiền là 7.035.000 đồng số tiền này bà L đã nộp và đã chi xong, buộc ông Võ Văn D trả lại cho bà L ½ chi phí trên số tiền là 3.517.000 đồng (ba triệu năm trăm mười bảy ngàn đồng).

[7] Về án phí:

Bà Trần Thị L được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và được nhận lại 4.406.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 18/5/2016 theo biên lai số BN/2013/00468 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Ông Võ Văn D phải nộp 16.241.600 đồng án phí về tài sản, và 9.368.000 đồng án phí về giải quyết hậu quả của việc hủy hợp đồng cố đất. Tổng cộng tiền án phí ông D phải nộp là: 25.610.000 đồng (hai mươi lăm triệu sáu trăm mười ngàn đồng).

Anh Võ Minh T được nhận lại 8.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 22/8/2017 theo biên lai số BN/2013/16612 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC.THADS huyện Lấp Vò;
- Các Đ/s;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Thị Bích Thủy